

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 02 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1718/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang T, sinh năm 1972; trú tại: 143A khu phố H, phường H1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vương Kim P, sinh năm 1977; trú tại: 143A khu phố H, phường H1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2019, bản tự khai ngày 23/12/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Quang T trình bày:

Ông Trần Quang T và Vương Kim P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 1996 đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên lớn tiếng, cãi vã, không thể hòa hợp, không còn quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ

chồng đã nhiều lần cho nhau ông T xác định không còn tình cảm với bà P. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Quang T và bà Vương Kim P.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà P có 02 con chung tên Trần Thành P1, sinh ngày 25/5/2000 và Trần Thành D, sinh ngày 04/01/2005. Sau khi ly hôn, ông T giao con chung tên Trần Thành D cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với con chung Trần Thành P1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thành D mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn bà Vương Kim P trình bày:

Bà P thống nhất với trình bày của ông T về thời gian chung sống với nhau như vợ chồng và không có đi đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nay đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ để xây dựng gia đình. Hiện vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông T nộp đơn lên Tòa yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông T thì bà P đồng ý.

Về con chung: Bà P thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thành P1, sinh ngày 25/5/2000 và Trần Thành D, sinh ngày 04/01/2005. Sau khi ly hôn, bà P đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Thành D. Đối với con chung Trần Thành P1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà P thống nhất mỗi tháng ông T cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thành D số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà P. Về con chung: Sau khi ly hôn, bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Thành D. Đối với con chung Trần Thành P1 đã trên 18 tuổi nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Vương Kim P có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ 143A khu phố H, phường H1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang T và bà Vương Kim P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, không tiến hành đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P không phải là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã ly thân với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau và thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do ông T và bà P không có đăng ký kết hôn nên không thể công nhận thuận tình ly hôn. Trên cơ sở yêu cầu của ông T, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Quang T và bà Vương Kim P theo khoản 2 Điều 53 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông T và bà P có 02 con chung tên Trần Thành P1, sinh ngày 25/5/2000 và Trần Thành D, sinh ngày 04/01/2005. Sau khi ly hôn, ông T và bà P thống nhất: Giao con chung tên Trần Thành D cho bà Vương Kim P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục và phù hợp với nguyện vọng của con nên ghi nhận. Đối với con chung Trần Thành P1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà P và ông T thống nhất mỗi tháng ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thành D số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Trần Quang T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang T đối với bị đơn bà Vương Kim P.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Quang T và bà Vương Kim P.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thành D cho bà Vương Kim P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với con chung Trần Thành P1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Thành D mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0036668 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ông T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các của Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND phường H1,
thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Thủy